



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.VTS, Q.3,
Tp.HCM
Tel: 028.38330855 Fax: 028.38332754
<http://www.tiegoup.vn>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tp.Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ TỔ CHỨC **ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần TIE.

Công ty Cổ phần TIE xin ý kiến cổ đông thông qua Quy chế tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần TIE như sau:

CHƯƠNG I: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1: Phạm vi áp dụng

Quy chế này áp dụng cho việc tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (sau đây gọi tắt là "**Đại hội**") của Công ty Cổ phần TIE (sau đây gọi tắt là "**Công Ty**").

Điều 2: Nội dung quy chế

Quy chế này quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của các bên tham gia Đại hội; điều kiện, thủ tục tiến hành và biểu quyết các vấn đề tại Đại hội.

Điều 3: Trách nhiệm của các Bên tham gia

Cổ đông và các bên tham gia Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

CHƯƠNG II: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN THAM GIA ĐẠI HỘI

Điều 4: Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông phổ thông

4.1. Điều kiện tham dự: Tất cả các cổ đông có tên trong danh sách sở hữu cổ phần của Công ty cổ phần TIE tại ngày đăng ký cuối cùng 29/03/2021 (theo danh sách chốt của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam) hoặc những người được ủy quyền hợp lệ đại diện tham dự. Thông tin được chứng thực của cổ đông tham dự Đại hội phải phù hợp với thông tin cổ đông theo danh sách chốt của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.



4.2. Quyền và nghĩa vụ của các cổ đông khi tham dự Đại hội:

4.2.1. Được tham dự và biểu quyết tất cả các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội theo quy định của Điều lệ Công Ty.

4.2.2. Được ủy quyền bằng văn bản cho người đại diện thay mặt mình tham dự và biểu quyết tại Đại hội. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người khác tham dự Đại hội.

4.2.3. Được Ban tổ chức Đại hội thông báo công khai: toàn bộ nội dung chương trình Đại hội.

4.2.4. Được tham gia ý kiến trực tiếp hoặc thông qua đại diện ủy quyền của mình.

4.2.5. Cổ đông đến dự Đại hội trễ có quyền đăng ký ngay, sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại Đại hội, nhưng Chủ tọa không có trách nhiệm dừng Đại hội để cho cổ đông đến trễ đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành sẽ không bị ảnh hưởng.

4.2.6. Các cổ đông, đại diện cổ đông khi tới dự cuộc họp Đại hội sau khi nghe báo cáo về các nội dung cần thông qua sẽ cùng thảo luận và thông qua từng phần bằng biểu quyết.

4.2.7. Các cổ đông hay đại diện cổ đông khi tới tham dự đại hội phải hoàn thành các thủ tục đăng ký tham dự Đại hội với Ban tổ chức Đại hội, các qui định về đảm bảo sức khỏe của người tham dự v.v... theo yêu cầu của BTC Đại hội.

4.2.8. Mỗi cổ đông hoặc đại diện cổ đông khi tới tham dự Đại hội phải mang theo: (i) Thư mời, (ii) bản chính CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu (đối với trường hợp tham dự trực tiếp) hoặc (iii) bản chính Giấy ủy quyền (theo mẫu giấy ủy quyền được gửi kèm theo Thư mời) và bản chính CMND/Thẻ căn cước/ hộ chiếu của người được ủy quyền (đối với trường hợp ủy quyền) để trình cho thành viên Ban Tổ chức Đại hội và được nhận thẻ biểu quyết, phiếu biểu quyết (phiếu có đóng dấu treo của công ty, nội dung không bị tẩy xóa).

4.2.9. Nghiêm túc chấp hành nội quy tại Đại hội và tôn trọng kết quả làm việc tại Đại hội.

4.2.10. Tuân thủ các quy định tại Điều lệ Công Ty và Quy chế này.

Điều 5: Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội

Ban kiểm tra tư cách cổ đông do Hội đồng quản trị đề cử. Ban kiểm tra tư cách cổ đông tiếp nhận và kiểm tra các giấy tờ cổ đông đến họp do thành viên Ban tổ chức Đại hội chuyển đến, thông tin được chứng thực của cổ đông tham dự Đại hội phải phù hợp với thông tin cổ đông theo danh sách chốt của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam; Phát các tài liệu và Phiếu biểu quyết; Báo cáo trước Đại hội về kết quả kiểm tra tư cách cổ đông dự Đại hội.

Điều 6: Quyền và nghĩa vụ của Chủ tọa và Thư ký

6.1. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tọa cuộc họp.

6.2. Quyết định của Chủ tọa về vấn đề trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội sẽ là quyết định cao nhất, có tính bắt buộc thực hiện tại Đại hội và Chủ tọa chịu trách nhiệm về các quyết định này.

6.3. Bằng năng lực của mình, Chủ tọa tiến hành các công việc cần thiết để điều khiển Đại hội một cách hợp lệ và có trật tự.

6.4. Không cần lấy ý kiến của Đại hội, bất cứ lúc nào Chủ tọa cũng có thể trì hoãn Đại hội đến một thời điểm khác và tại một địa điểm khác do Chủ tọa quyết định nếu nhận thấy

rằng:

- a. Hành vi của những người có mặt cản trở hoặc có khả năng cản trở diễn biến có trật tự của cuộc họp; hoặc
- b. Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của Đại hội được tiến hành một cách hợp lệ và đúng quy định của pháp luật.

6.5. Ban Thư ký do Chủ tọa đề cử và thực hiện các công việc như sau:

- a. Ghi chép đầy đủ, trung thực các nội dung Đại hội;
- b. Hỗ trợ Đoàn Chủ tọa công bố dự thảo Biên bản, Nghị quyết của Đại hội và các văn bản khác liên quan đến nội dung chương trình Đại hội khi cổ đông yêu cầu;
- c. Tiếp nhận Phiếu đóng góp ý kiến của cổ đông;
- d. Các công việc khác theo sự phân công của Đoàn Chủ tọa.

Điều 7: Quyền và nghĩa vụ của Ban Kiểm phiếu

7.1 Chủ Tọa giới thiệu Ban kiểm phiếu và tổ chức lấy ý kiến thông qua tại Đại hội.

7.2 Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ sau:

- a. Giám sát việc biểu quyết của các cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền của cổ đông tại Đại hội.
- b. Tổng hợp số cổ phần biểu quyết theo từng nội dung, lập biên bản kiểm phiếu và thông báo kết quả trước Đại hội.



CHƯƠNG III: TIẾN HÀNH ĐẠI HỘI

Điều 8: Điều kiện tiến hành Đại hội

8.1. Đại hội chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán (thực hiện quyền bỏ phiếu) tại ngày đăng ký cuối cùng 29/03/2021 của Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (số 445/2021-TIE/VSD-ĐK ngày 31/03/2021).

8.2. Trường hợp Đại hội lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 8.1 nêu trên thì việc triệu tập Đại hội lần thứ hai phải thực hiện trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày khai mạc Đại hội lần thứ nhất. Đại hội lần thứ hai được tiến hành khi số thành viên tham dự là các cổ đông và những người đại diện được ủy quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 9: Cách thức tiến hành Đại hội và biểu quyết

9.1. Đại hội dự kiến diễn ra trong nửa ngày.

9.2. Đại hội sẽ thảo luận và thông qua các nội dung trong chương trình Đại hội.

9.3. Tất cả các vấn đề cần biểu quyết trong Đại hội đều được thực hiện bằng cách biểu quyết công khai bằng phiếu biểu quyết theo số cổ phần sở hữu và/hoặc Đại diện cổ đông. Mỗi cổ đông/ Đại diện cổ đông được cấp một phiếu biểu quyết cho mỗi nội dung biểu quyết, trong đó ghi rõ Mã số cổ đông, thông tin cổ đông, số cổ phần có quyền biểu quyết và

có đóng dấu treo của công ty.

CHƯƠNG IV: KẾT THÚC ĐẠI HỘI

Điều 10: Thông qua Quyết định của Đại hội

10.1. Nghị quyết về các nội dung sau đây được coi là thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền có mặt tại ĐHĐCĐ:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại.
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh.
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty.
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.
- đ. Tổ chức lại, giải thể Công ty.

10.2. Trừ trường hợp quy định tại khoản 10.1 Điều này, các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.

Điều 11: Biên bản cuộc họp Đại hội

Tất cả các nội dung tại cuộc họp Đại hội phải được Thư ký Đại hội ghi vào sổ biên bản của Công ty. Biên bản và Nghị quyết Đại hội được đọc và thông qua trước khi bế mạc Đại hội.

CHƯƠNG V: ĐIỀU KHOẢN KHÁC

Điều 12: Điều khoản thi hành

12.1. Quy chế này gồm 5 Chương và 12 Điều, có hiệu lực ngay khi được Đại hội thông qua.

12.2. Cổ đông và những người tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện theo các quy định tại Quy chế này.

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA



Trần Thế Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P. VTS, Q.3, TP.
HCM
Tel: 028.38330855 Fax: 028.38332754
<http://www.tiegroup.vn>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2021

QUY CHẾ BIỂU QUYẾT
TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp hiện hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan của Quốc hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ Phần TIE.

Công ty Cổ phần TIE (gọi tắt là "**Công Ty**") xin ý kiến cổ đông thông qua Quy chế biểu quyết các nội dung trong Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 (gọi tắt là "**Đại hội**") như sau:

Điều 1: Đối tượng thực hiện biểu quyết và hình thức biểu quyết

1.1. Các cổ đông và đại diện được ủy quyền hợp lệ của cổ đông có mặt tại Đại hội đều được tham gia biểu quyết.

1.2. Hình thức biểu quyết:

a. Giơ thẻ biểu quyết: ngoài các nội dung biểu quyết theo quy định tại Điều 3 Quy chế này, các nội dung khác sẽ được biểu quyết thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết. Mỗi cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền sẽ được Công Ty phát 01 (một) thẻ biểu quyết; hình thức thẻ biểu quyết sẽ do Công Ty quy định. Nội dung biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết chỉ có hiệu lực khi có từ 51% trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội thông qua.

b. Bỏ phiếu kín: thực hiện theo quy định tại Điều 2, Điều 3 và Điều 5 Quy chế này.

Điều 2: Phiếu biểu quyết và phương thức biểu quyết

2.1. Phiếu biểu quyết:

- Phiếu biểu quyết do Ban tổ chức Đại hội phát hành theo mẫu in sẵn có đóng dấu của Công ty. Phiếu biểu quyết được ghi rõ mã số cổ đông, thông tin cổ đông (họ tên cổ đông là cá nhân/người đại diện quản lý phần vốn góp của tổ chức/ tên tổ chức...), số cổ phần sở hữu và các nội dung biểu quyết.

- Mỗi cổ đông hoặc người đại diện ủy quyền được Công ty phát 01 (một) phiếu biểu quyết. Cổ đông cần kiểm tra lại các thông tin ghi trên Phiếu biểu quyết và nếu phát hiện sai sót thì phải báo ngay cho Ban tổ chức Đại hội để được giải quyết.

- Phiếu biểu quyết có thể có một hoặc nhiều nội dung biểu quyết.

2.2. Phương thức biểu quyết:

- Cổ đông hoặc người đại diện được ủy quyền đánh dấu "X" hoặc "✓" vào ô **TÁN THÀNH** hoặc **KHÔNG TÁN THÀNH** tương ứng cho từng nội dung biểu quyết.



Nếu cổ đông không lựa chọn ô nào cả thì nội dung đó được xem là **KHÔNG Ý KIẾN**.

- Trong trường hợp có sự nhầm lẫn hay muốn thay đổi phương án lựa chọn thì cổ đông khoanh tròn phương án cũ, chọn lại phương án mới bằng cách đánh dấu "X" hoặc "✓" và chỉ được thay đổi một lần.

- Trong một phiếu, nếu có nhiều nội dung biểu quyết thì các nội dung biểu quyết sẽ độc lập với nhau. Sự không hợp lệ của nội dung này sẽ không ảnh hưởng đến tính hợp lệ của các nội dung khác hay của phiếu biểu quyết, trừ trường hợp phiếu biểu quyết không hợp lệ theo quy định tại khoản 2.3 Điều này.

- Trường hợp cổ đông đã đăng ký tham dự Đại hội nhưng vì lý do nào đó không thể có mặt đến hết chương trình Đại hội thì cổ đông có thể ghi nội dung biểu quyết trước, gửi lại phiếu biểu quyết cho Ban tổ chức trước khi ra về. Nếu cổ đông nào không gửi lại, Ban kiểm phiếu khi tiến hành kiểm phiếu sẽ xem như cổ đông đó **KHÔNG Ý KIẾN** với các nội dung biểu quyết và số phiếu không thu về vẫn được xem là số phiếu hợp lệ và tính vào kết quả kiểm phiếu.

- Thời gian bỏ phiếu được tính từ khi Chủ tọa hoặc Trưởng ban kiểm phiếu thông báo bắt đầu bỏ phiếu cho đến khi không còn cổ đông hoặc đại diện cổ đông nào bỏ phiếu vào thùng phiếu.

2.3. Phiếu/Nội dung biểu quyết không hợp lệ, không có giá trị khi kiểm phiếu:

- Phiếu không theo mẫu quy định của Công Ty;
- Phiếu bị gạch xóa, sửa chữa, ghi thêm nội dung biểu quyết;
- Nội dung biểu quyết không hợp lệ khi có từ 02 (hai) dấu "X" và/ hoặc "✓" trong các cột biểu quyết cùng một nội dung hoặc không thực hiện đúng cách ghi biểu quyết trong trường hợp thay đổi ý biểu quyết.

Điều 3: Nguyên tắc và phạm vi biểu quyết


Đúng luật, đúng Điều lệ Công Ty và được tiến hành theo phương pháp bỏ phiếu kín.

Những nội dung được biểu quyết thông qua theo phương pháp bỏ phiếu kín tại Đại hội bao gồm các báo cáo, tờ trình như quy định tại Điều 5 Quy chế và những nội dung khác phát sinh tại Đại hội (nếu có).

Điều 4: Ban kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu do chủ tọa Đại hội đề cử và được Đại hội thông qua.
- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm hướng dẫn cách ghi phiếu, kiểm tra, giám sát và tổ chức kiểm phiếu.
- Ban kiểm phiếu không được ghi, tẩy xóa trên phiếu biểu quyết của cổ đông.

Điều 5: Kết quả biểu quyết

- Trưởng ban kiểm phiếu lập biên bản kiểm phiếu và công bố kết quả trước Đại hội.
- Kết quả kiểm phiếu sẽ được ghi vào Biên bản cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.
- Nội dung biểu quyết được thông qua khi có tỉ lệ **TÁN THÀNH** đạt từ **65%** trở lên trên tổng số phần biểu quyết tại Đại hội: 

- Tờ trình xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định trong việc đăng ký bổ sung/thay đổi chức năng, ngành nghề của Công Ty và các chi nhánh, đơn vị trực thuộc.
- Các Tờ trình khác có nội dung theo quy định tại Khoản 1 Điều 20 Điều lệ Công Ty (nếu có phát sinh tại Đại hội).
- Ngoại trừ các nội dung qui định thông qua khi có tỉ lệ **TÁN THÀNH** đạt từ **65%** trở lên, các nội dung biểu quyết khác được thông qua khi tỉ lệ **TÁN THÀNH** đạt từ **51%** trở lên trên tổng số cổ phần biểu quyết tại Đại hội.

Điều 6: Hiệu lực thi hành

Quy chế này có hiệu lực ngay khi được **51%** trở lên trên tổng số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự Đại hội thông qua bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết. Tất cả các cổ đông, đại diện được ủy quyền tham dự Đại hội có trách nhiệm thực hiện các quy định trong quy chế này./.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA**



Trần Thế Vinh





CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

262A NKKN, Quận 3, TP.HCM

<http://www.tiegroupp.vn>

Tel: 028.38330855 Fax: 028.38332754

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2020

PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ KẾ HOẠCH

SẢN XUẤT – KINH DOANH NĂM 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông



I KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2020:

Năm 2020 là một năm nhiều khó khăn cho hoạt động Sản xuất – Kinh doanh của các Doanh nghiệp, ảnh hưởng của dịch Covid-19 tác động không nhỏ đến nền kinh tế của Việt Nam; Tổng doanh thu của Công ty đạt 84,182 tỷ đồng đạt 85,13% so với năm 2019 và đạt 64,75% kế hoạch đề ra cho năm 2020. Các số liệu và hoạt động sản xuất – kinh doanh - giao dịch - đầu tư – tài chính cụ thể đã được nêu rõ tại Báo cáo tài chính riêng và báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 đã được công bố thông tin theo quy định.

Tổng giám đốc xin báo cáo làm rõ thêm một số vấn đề mang tính bao quát và trọng yếu như sau:

1. Hoạt động sản xuất – kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của TIE trong năm 2020 chủ yếu là phân phối các sản phẩm ngành hàng văn phòng phẩm, giấy cuộn, nguyên vật liệu dùng cho sản xuất Tập học sinh, văn phòng phẩm. Với đội ngũ bán hàng chuyên nghiệp, được đào tạo bài bản, với các chính sách bán hàng linh hoạt, tùy khu vực, tùy thị trường, tùy dòng sản phẩm.

Hiệu quả sản xuất sản phẩm tập học sinh được cải thiện do đã tự động hóa hơn 80% quy trình sản xuất, sức cạnh tranh của sản phẩm tập thương hiệu ALADDIN trên thị trường đã được nâng cao; Thương hiệu Bút bi Bến Nghé ngày càng được tin dùng với nguồn nguyên liệu chủ yếu như mực viết, đầu bi là các sản phẩm ngoại nhập từ Đức, Thụy Sĩ và Nhật Bản. Hiện tại, chuỗi cung ứng sản phẩm thương hiệu ALLADIN và Bến

Nghé đã được kết hợp triển khai đến các Tỉnh, Thành phố trên toàn quốc, qua đó tăng cao hiệu quả kinh doanh các sản phẩm Văn phòng phẩm tập, bút bi, dụng cụ học sinh, văn phòng phẩm từng bước cạnh tranh với các sản phẩm ngoại nhập. Tỷ suất lợi nhuận kinh doanh trên mỗi đơn vị sản phẩm đã tăng hơn 10% so với năm 2019

Tuy nhiên, do ảnh hưởng nặng nề của dịch Covid-19 nên kế hoạch kinh doanh 2020 không đạt với một số nguyên nhân chính như sau:

- Các trường học đã không tổ chức giảng dạy tại trường trong 03 tháng đầu năm 2020 của niên học 2019 -2020 và 01 tháng của đầu niên học 2020 -2121
- Các cơ quan, doanh nghiệp đã thay đổi mô hình làm việc theo hướng gia tăng làm việc trực tuyến để hạn chế giao tiếp

Những ảnh hưởng nêu trên, trực tiếp làm sụt giảm nhu cầu sử dụng văn phòng phẩm hơn 50% và gián tiếp gây nên áp lực lưu trữ hàng tồn kho. Bên cạnh đó, từ cuối năm 2020, Giá nguyên liệu đã tăng hơn 15% so với năm 2019 vì chi phí vận chuyển tăng cao.

Trong tình hình kinh doanh văn phòng phẩm gặp nhiều khó khăn, để hoàn thành kết quả kinh doanh được Đại hội đồng cổ đông giao nhiệm vụ, Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc đã từng bước thực hiện tái cấu trúc danh mục đầu tư, cơ cấu chuyển nhượng vốn tại các doanh nghiệp hoạt động trong những lĩnh vực bị ảnh hưởng kéo dài bởi dịch như du lịch, sản xuất; chuyển nhượng các tài sản – bất động sản có tỷ suất sinh lời thấp không phù hợp với định hướng phát triển lâu dài của doanh nghiệp; và tận dụng nguồn vốn này để đầu tư vào các lĩnh vực khác nhằm đa dạng hoá nguồn thu đảm bảo ổn định hiệu quả kinh doanh trong những năm tiếp theo.

2. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2020:

- ❖ Tổng doanh thu: 84,183 tỷ đồng (64,75 % số kế hoạch);
- ❖ Tổng lợi nhuận trước thuế: 5,055 tỷ đồng (168,50% số kế hoạch);

II. KẾ HOẠCH KINH DOANH 2021:

Tập thể TIE Group nỗ lực và cố gắng vượt qua những thách thức, khó khăn chung của thị trường, tập trung thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm như sau:

- Tiếp tục tập trung đẩy mạnh phát triển trong lĩnh vực văn phòng phẩm với các sản phẩm ALADDIN, Bến Nghé;
- Cơ cấu lại hoạt động sản xuất kinh doanh, thay đổi mô hình tổ chức kinh doanh bán hàng phù hợp với sự phát triển của thị trường;
- Đẩy mạnh đầu tư vào các lĩnh vực khác như đầu tư, tài chính, chứng khoán, bất động sản, nhằm đa dạng hoá nguồn thu đảm bảo ổn định hiệu quả kinh doanh trong những năm tiếp theo.

- Thường xuyên tổ chức lại, nâng cao hiệu quả làm việc của tập thể. Xem trọng công tác tuyển dụng và đào tạo, xây dựng quy trình để có những con người phù hợp với định hướng phát triển lâu dài của doanh nghiệp

Chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2021:

- Tổng Doanh thu: **90 tỷ đồng**
- Lợi nhuận trước thuế: **03 tỷ đồng**

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Trên đây là báo cáo về số liệu và hoạt động sản xuất – kinh doanh – đầu tư – tài chính năm 2020 cùng với kế hoạch và định hướng hoạt động sản xuất – kinh doanh năm 2021 của Công ty Cổ phần TIE, Công ty rất mong nhận được những ý kiến đóng góp chân thành cùng sự phê duyệt của Quý cổ đông làm cơ sở cho Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc thực hiện điều hành.

Trân trọng kính chào Quý Cổ đông.

Kính chúc Đại hội thành công tốt đẹp.

TỔNG GIÁM ĐỐC



Đỗ Thị Kim Oanh



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

262A NKKN – Quận 3 – TP. HCM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tel: 028.38330855 Fax: 028.38332754

<http://www.tiegrip.vn>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO

HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

NĂM 2020 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NĂM 2021

Kính thưa Đại hội.

Hội Đồng Quản Trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty - trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông.

Hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần TIE luôn tuân thủ Điều lệ Công ty cổ phần TIE đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua vào tháng 08/2017, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị được ban hành theo Quyết định số 01/2004/HĐQT ngày 01/08/2004, Quy chế nội bộ về quản trị Công ty theo Quyết định số 06/2013/QĐ-HĐQT ngày 30/07/2013.

Hội đồng Quản trị được Đại hội đồng cổ đông bầu ra, quản lý Công ty theo Điều lệ và các văn bản pháp luật liên quan, hoạt động theo nguyên tắc đa số nhất trí nhằm đưa ra những chủ trương, chính sách phù hợp nhất, đảm bảo lợi ích của Công ty và của cổ đông.

Thay mặt Hội đồng quản trị, tôi xin phép báo cáo với Đại hội đồng cổ đông về tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần TIE năm 2020 và phương hướng hoạt động năm 2021. Đây cũng là thời điểm để chúng ta nhìn nhận, tiếp tục điều chỉnh và hoàn thiện hơn trong giai đoạn tới để Công ty ngày càng phát triển bền vững.

I/ Tình hình hoạt động của HĐQT năm 2020:

Trên cơ sở được Đại hội đồng cổ đông thông qua chiến lược và định hướng hoạt động trong nhiệm kỳ IV, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần TIE thời gian qua đã tập trung vào các hoạt động chính : kinh doanh sản phẩm văn phòng phẩm; đầu tư ; tái cấu trúc hoạt động đầu tư, ... nhằm đảm bảo tính hiệu quả.



Trong công tác quản trị, Hội đồng quản trị thường xuyên họp bản với Ban Tổng giám đốc, bám sát thực tế hoạt động sản xuất kinh doanh. Làm việc với đối tác, tư vấn để nắm rõ những khó khăn của tình hình kinh tế chung cũng như đặc thù của doanh nghiệp. Qua đó có những định hướng kịp thời, hợp lý nhằm bảo vệ lợi ích cho các cổ đông.

Trong năm 2020,

Hội đồng quản trị đã tổ chức thành công Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua các nội dung : Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trong năm 2019 và định hướng hoạt động trong năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động SXKD năm 2019 và phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch năm 2020, Báo cáo kết quả kiểm soát năm 2020, Báo cáo kết quả kiểm toán năm 2020 và các Tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Hội đồng quản trị đã có 09 phiên họp thảo luận và quyết nghị các vấn đề quan trọng liên quan đến định hướng, chiến lược, xem xét các chỉ tiêu kế hoạch, các giải pháp do Tổng Giám đốc trình, quan tâm đến quyền lợi của cổ đông và của Công ty trừ các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, ... kịp thời đưa ra những quyết định để Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết, Kế hoạch của Hội đồng quản trị, của Đại hội đồng cổ đông.

Ban hành Nghị quyết và Quyết định về các vấn đề: tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên; đầu tư / tái đầu tư ; chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính hàng năm, ;

Trước tình hình kinh doanh khó khăn, Hội đồng quản trị đã chỉ đạo Ban điều hành có các phương án khắc phục như : tập trung cơ cấu ngành hàng Văn phòng phẩm, tích cực xử lý hàng tồn, thu hồi công nợ, tái cấu trúc hoạt động kinh doanh; đa dạng loại hình đầu tư sang các lĩnh vực tài chính, bất động sản để đa dạng hoá nguồn thu, hạn chế những ảnh hưởng lâu dài trong tương lai nếu ngành hàng văn phòng phẩm vẫn gặp nhiều khó khăn và giảm sút nhu cầu tiêu dùng.

Hội đồng quản trị thường xuyên quan tâm cải tiến công tác quản lý theo hướng chuyên nghiệp, tinh gọn và hiệu quả, thường xuyên xây dựng, cải tiến và bổ sung các quy trình, thủ tục nhằm quản lý hoạt động Công ty theo điều lệ và các quy chế, quy định. Thường xuyên cập nhật và tuân thủ những quy định mới về quản trị Công ty áp dụng với Công ty đại chúng, ...

Trong năm vừa qua, dù gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch bệnh và tình hình kinh doanh bị gián đoạn gần nửa năm nhưng Hội đồng quản trị đã cố gắng hết mình, cùng với Ban Tổng giám đốc tính toán, tìm nhiều giải pháp, biện pháp để mang lại kết quả lợi nhuận sau thuế vượt mức nhiệm vụ Đại hội đồng cổ đông giao.

Trong năm 2020, do tình hình khó khăn của doanh nghiệp, Hội đồng quản trị Công ty không trích thưởng và thù lao cho các Thành viên Hội đồng quản trị.

II/ Hoạt động giám sát của Hội đồng quản trị với Ban Tổng Giám đốc:

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Ban Tổng Giám đốc trong việc chấp hành các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị; giám sát tình hình quản trị nhân sự, quản trị tài chính, tiến độ thực hiện các khoản đầu tư và các vấn đề pháp lý khác,...

- Trong quá trình làm việc, Hội đồng quản trị luôn chú trọng đến việc bàn bạc, trao đổi cùng với Ban Tổng Giám đốc để đi đến sự đồng thuận nhằm đưa ra những giải pháp điều hành hiệu quả nhất, phù hợp nhất với mục tiêu và định hướng phát triển của Công ty.

- Hội đồng quản trị đánh giá Ban Tổng giám đốc đã thực hiện công tác điều hành phù hợp với Pháp luật, Điều lệ và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị



III / Kết quả hoạt động năm 2020 như sau:

DVT : triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2020	Thực hiện 2020	Tỷ lệ % TH/KH	Tỷ lệ % TH/TH 2019
1	Tổng Doanh thu	130.000	84.183	64,75%	85,13%
2	Lợi nhuận thực hiện	3.000	5.055	168,50%	124,80%
3	Vốn điều lệ	95.699	95.699	100,00%	100,00%

IV/ Giá trị sổ sách TIE tại thời điểm 31/12/2020 (nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất Công ty cổ phần TIE năm 2020) :

STT	NỘI DUNG	ĐVT	Số tiền
1.1	Vốn chủ sở hữu	triệu đồng	195.195
1.2	Số lượng cổ phiếu	cổ phiếu	9.569.900
1.3	Giá trị sổ sách cổ phiếu TIE	đồng / cổ phiếu	20.396

V/ Kế hoạch năm 2021: *ml*

ĐVT : triệu đồng

Chỉ tiêu	KH năm 2021	Tỷ lệ % KH/ TH 2020
- Tổng doanh thu	90.000	130,67%
- Lợi nhuận thực hiện	3.000	59,35%
- Vốn điều lệ	95.699	100,00%

Thay mặt Hội Đồng Quản Trị và Ban Điều hành, Tôi rất mong cổ đông hiểu được những khó khăn khốc liệt trong năm qua mà trong tình hình chung tất cả các doanh nghiệp trên toàn thế giới đã gặp phải và luôn ủng hộ, đóng góp ý kiến để Hội đồng quản trị hoạt động tốt, hoàn thành nhiệm vụ.

Trân trọng.

TM. HĐQT CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
CHỦ TỊCH



Trần Thế Vinh



TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2021

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông

- Căn cứ chức năng nhiệm vụ của Ban Kiểm soát được quy định trong Điều lệ Công ty Cổ phần TIE;
- Căn cứ Báo cáo tài chính hợp nhất năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty Cổ phần TIE đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn A&C;
- Căn cứ thực tế tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần TIE và kết quả kiểm tra giám sát của Ban Kiểm soát trong năm 2020;

Ban Kiểm soát (BKS) xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông tình hình kiểm soát Công ty Cổ phần TIE năm 2020 như sau:

I - NHẬN XÉT CHUNG VỀ TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:

Năm 2020, tình hình kinh tế Việt Nam và kinh tế Thế giới gặp nhiều khó khăn. Đầu năm 2020, với tình hình dịch bệnh nCovid -19 lan rộng trên khắp thế giới gây ra nhiều hậu quả nặng nề trên khắp các Châu lục. Chính phủ các nước phải ban hành các giải pháp giãn cách xã hội, hạn chế tập trung đông người, làm việc tại nhà, các trường học phải tạm thời đóng cửa.

Những quyết sách nêu trên của các Chính phủ đã đạt được nhiều tích cực trong việc hạn chế lây lan, nhưng cũng mang lại khó khăn cho nền kinh tế tiêu dùng ở khắp nơi trên toàn thế giới.

Bên cạnh đó, những diễn biến thay đổi liên tục về giá dầu và các chính sách bảo hộ kinh tế của các nước có nền kinh tế lớn cũng làm ảnh hưởng đến chính sách phát triển, thói quen tiêu dùng và tiêu chuẩn chất lượng, nguồn gốc sản phẩm.

Trong bối cảnh chung ấy, hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty Cổ phần TIE cũng gặp nhiều khó khăn trong lĩnh vực phân phối và tiêu thụ hàng hóa. Công ty đã phải từng bước tái cơ cấu ngành nghề kinh doanh và tái cơ cấu bộ máy tổ chức – nhân sự để đảm bảo hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

1. Số liệu báo cáo tài chính năm 2020:

Tình hình tài sản:

+ Tài sản ngắn hạn:

160.105.376.548 đồng



+ Tài sản dài hạn :	69.266.503.802 đồng
+ Tổng tài sản (đến thời điểm 31/12/2020) :	229.371.880.350 đồng

Trong năm 2020, Công ty đã thực hiện tái cấu trúc các nguồn vốn đầu tư và thực hiện thoái vốn ở các doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn trong lĩnh vực du lịch và kinh doanh thương mại. Sau khi cơ cấu danh mục đầu tư, trong cơ cấu tổng tài sản tỷ trọng dịch chuyển một phần tài sản dài hạn sang tài sản ngắn hạn. Điều này phù hợp với loại hình kinh doanh hiện nay của doanh nghiệp chủ yếu là hoạt động sản xuất thương mại nên thường xuyên cần vốn lưu động.

Tình hình nguồn vốn:

+ Nợ phải trả :	34.176.134.224 đồng
+ Nguồn vốn chủ sở hữu :	195.195.746.126 đồng
+ Tổng nguồn vốn (đến thời điểm 31/12/2020) :	229.371.880.350 đồng

So với năm 2019, tổng nguồn vốn giảm **11,96 %**, nợ phải trả vẫn chiếm tỷ trọng nhỏ **14,90 %**, trong đó toàn bộ là nợ ngắn hạn, không có khoản nợ dài hạn nào. Nợ ngắn hạn giảm mạnh so với năm 2019 là **51,46 %**. Vốn chủ sở hữu tăng do lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này tăng

2. Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh của Công ty năm 2020 được thể hiện trên Báo cáo hợp nhất như sau:

- Tổng doanh thu & thu nhập khác : **84.183.275.770 đồng**
- Hoạt động kinh doanh chính của TIE trong năm 2020, chủ yếu là phân phối các sản phẩm ngành hàng văn phòng phẩm, các sản phẩm từ giấy, giấy cuộn, giấy nguyên liệu, và bút bi.
- Lợi nhuận trước thuế : **5.054.988.286 đồng tăng 124,80%** so với năm 2019.

Báo cáo kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C có ý kiến ngoại trừ về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ. Và Ban Tổng giám đốc đã có ý kiến giải trình như sau:

1/ Năm 2018, trong quá trình tiếp nhận, TIE phát hiện một số chứng từ và hồ sơ của 02 Công ty con (là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bến Nghé và Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Bến Nghé) bàn giao chưa đầy đủ và phía Bến Nghé thông tin rằng các hồ sơ, chứng từ này đã bị thất lạc do việc bàn giao giữa các nhân viên khi nghỉ việc trước thời điểm TIE nhận chuyển nhượng cổ phần từ Bến Nghé nên TIE chưa hợp nhất Báo cáo tài chính của 02 Công ty con này.

2/ Năm 2019, do chủ trương tái cơ cấu danh mục đầu tư, TIE đã chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư tại Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bến Nghé và Công ty Cổ phần Dịch vụ Tổng hợp Bến Nghé. Vì TIE chưa hợp nhất Báo cáo tài chính của 02 Công ty con này vào Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2018, nên khi chuyển nhượng khoản đầu tư tại 02 Công ty con này trong năm 2019, TIE không ghi nhận các khoản giảm tài sản, hàng hóa, công nợ, vốn chủ sở hữu, ... tương ứng trên Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2019.

3/ Trên cơ sở đó, ý kiến của kiểm toán tại Báo cáo tài chính năm 2020 là :

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ. Báo cáo kiểm toán về Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2019 có ý kiến kiểm toán trái ngược do Tập đoàn không hợp nhất Báo cáo tài chính của hai công ty con là Công ty Cổ phần Sản xuất Thương mại Bến Nghé và Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Tổng hợp Bến Nghé được mua vào tháng 12 năm 2018 và đã chuyển nhượng trong tháng 7 năm 2019. Các ảnh hưởng đối với số liệu trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2019 do việc không hợp nhất Báo cáo tài chính của hai công ty con này trong năm 2018 và năm 2019 là chưa thể xác định được.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ

Theo ý kiến của kiểm toán, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ về kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ”, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ý kiến chấp nhận toàn phần về tình hình tài chính

Theo ý kiến của kiểm toán, Bảng cân đối kế toán hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Ban kiểm soát ghi nhận ý kiến của Ban Tổng giám đốc Công ty thể hiện đúng sự thật khách quan của sự việc. BKS hoàn toàn thống nhất với các số liệu đã được kiểm toán trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020.

II - NHẬN XÉT CÔNG TÁC QUẢN LÝ TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG SỔ SÁCH KẾ TOÁN:

- Công ty đã thực hiện nghiêm túc chế độ quản lý tài chính theo các quy định của Pháp luật và theo quy chế mà Công ty đã ban hành;
- Công ty tuân thủ đầy đủ và đúng theo các quy định về Thuế, Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan về lĩnh vực kế toán.

III - NHẬN XÉT CÔNG TÁC QUẢN LÝ ĐIỀU HÀNH:

1. Thủ lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS :

- Trong năm 2020, Công ty chưa chi thù lao và trích thưởng cho các Thành viên BKS.
- Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của BKS năm 2020 : Không có

2. Các cuộc họp của Ban kiểm soát (BKS):



- BKS đã thực hiện công việc theo quyền hạn và nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và Quy định của pháp luật hiện hành, nhằm kiểm tra giám sát việc chấp hành pháp luật, thực hiện Điều lệ Công ty, các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông, của Hội đồng quản trị công ty.

3. Đánh giá sự phối hợp giữa BKS và Hội đồng quản trị (HDQT), Ban Tổng Giám đốc (Ban TGD) Công ty:

- Trong năm 2020, BKS đã nhận được sự phối hợp chặt chẽ từ HDQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác thông qua việc cung cấp các báo cáo, tài liệu cần thiết cho công tác kiểm tra, giám sát, cử cán bộ làm việc với BKS khi có yêu cầu;
- Việc phối hợp cũng như trao đổi thông tin giữa BKS với HDQT, Ban TGD và các cán bộ quản lý khác được duy trì thường xuyên thông qua các hình thức trao đổi trực tiếp, trao đổi bằng văn bản, thư điện tử.

4. Kiểm soát hoạt động điều hành của HDQT và Ban TGD Công ty:

Với sự phối hợp và hỗ trợ tốt của HDQT, Ban TGD và các phòng chức năng của Công ty, BKS đã hoàn thành nhiệm vụ được quy định tại Điều lệ Công ty, cụ thể như sau:

- Giám sát hoạt động của HDQT;
- Giám sát hoạt động của Ban TGD;
- Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cân trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
- Giám sát việc chấp hành các Nghị quyết và Quyết định của ĐHĐCĐ, HDQT;
- Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HDQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên.
- Giám sát việc thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động: Công ty đã thực hiện đúng theo cam kết trong Hợp đồng lao động đã ký kết và theo qui định của pháp luật hiện hành; Tất cả người lao động khi ký hợp đồng chính thức sẽ được tham gia BHXH, BHYT, BHTN và được giải quyết các chế độ liên quan theo đúng quy định;
- Giám sát việc công bố thông tin theo quy định.

Trên đây là báo cáo của BKS về việc thực hiện chức năng giám sát hoạt động sản xuất – kinh doanh tại Công ty Cổ phần TIE trong năm 2020.

Trân trọng kính trình Đại hội đồng cổ đông.

Xin chân thành cảm ơn và kính chúc Quý vị khách quý, quý vị cổ đông được nhiều sức khỏe và thành công.

Kính chúc đại hội thành công tốt đẹp.





CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM
Tel: 028.38330855 Fax: 028.38332754
<http://www.tiegroupp.vn>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 0412021 /TTr-HDQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH THƯỜNG NIÊN & CÁC VẤN ĐỀ THUỘC THẨM QUYỀN CỦA ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần TIE

Hội đồng Quản trị ("HDQT") kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ("ĐHĐCD") biểu quyết thông qua các nội dung sau đây:

1. Thông qua các Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2020 của Công ty

HDQT kính trình ĐHĐCD thông qua các Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 của Công ty đã được kiểm toán và được công bố thông tin theo quy định, đồng thời đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty cùng các số liệu và hoạt động sản xuất – kinh doanh – giao dịch - đầu tư – tài chính đã được thể hiện theo các Báo cáo tài chính này.

2. Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh và Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

2.1 Thông qua Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2020

Theo Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2020 đã được kiểm toán, Công ty đã đạt được một số kết quả kinh doanh như sau:

Nội dung	Kế hoạch năm 2020 (đồng)	Thực hiện năm 2020 (đồng)	% thực hiện / kế hoạch
Tổng doanh thu	130.000.000.000	84.183.275.770	64.75
Lợi nhuận thực hiện	3.000.000.000	5.054.988.286	168.5

2.2 Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020

Dựa trên kết quả kinh doanh 2020, HDQT Công ty kính trình phương án sử dụng lợi nhuận sau thuế như sau:



Các chỉ tiêu	Số tiền (đồng)
Cổ tức	0
Quỹ khen thưởng – phúc lợi	0
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát :	0

3. Thông qua Kế hoạch kinh doanh năm 2021 và Kế hoạch phân phối lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2021

3.1 Kế hoạch kinh doanh năm 2021

Tại Đại hội lần này, HĐQT thống nhất trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua một số chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh cụ thể cho năm 2021 như sau:

Chỉ tiêu	Giá trị (đồng)
Tổng doanh thu	110.000.000.000
Lợi nhuận trước thuế	3.000.000.000
Quỹ khen thưởng - phúc lợi	5% lợi nhuận trước thuế
Thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát :	2% lợi nhuận trước thuế

4. Phê duyệt các giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông giữa Công ty với các bên liên quan của Công ty và/ hoặc cá nhân, tổ chức.

Nhằm tăng cường sự phối hợp giữa Công ty và các công ty con, công ty liên kết và các bên liên quan khác để mang lại lợi ích kinh tế tối đa cho Công ty, cổ đông và để tạo sự chủ động, linh hoạt cho HĐQT trong việc quản lý, hoạch định chính sách, HĐQT kính trình ĐHĐCĐ phê duyệt giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông giữa Công ty với các bên liên quan (theo quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Điều lệ doanh nghiệp) và/hoặc cá nhân, tổ chức phát sinh giao dịch với Công ty phát sinh trong năm 2021 kể cả bao gồm các giao dịch có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của công ty được ghi trong báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán liền kề trước thời điểm xảy ra giao dịch cụ thể như sau:

4.1. Phê duyệt các giao dịch giữa Công ty và các bên liên quan của Công ty và/ hoặc cá nhân, tổ chức., bao gồm nhưng không giới hạn ở các giao dịch được liệt kê dưới đây giữa Công ty với (i) công ty con/công ty liên kết của Công ty; và (ii) các bên liên quan khác của Công ty và (iii) cá nhân, tổ chức phát sinh giao dịch với Công ty:

a. Các giao dịch chia sẻ chi phí (chỉ áp dụng với các bên có liên quan): theo đó các chi phí được chia sẻ bao gồm nhưng không giới hạn chi phí dịch vụ công nghệ thông tin, chi phí quản lý, chi phí các dịch vụ khác, và chi phí vận hành phát sinh thực tế, phù hợp

với giá thị trường và được phân bổ trên cơ sở thỏa thuận giữa các công ty nêu trên theo nguyên tắc bình đẳng, hợp lý, phù hợp với thông lệ thị trường và các quy định của pháp luật;

b. Các giao dịch mua bán hàng hoá, góp vốn, thuê tài sản, chuyển nhượng tài sản.

c. Các giao dịch tài chính, vay, cho vay, thỏa thuận hợp tác, thỏa thuận đầu tư trên cơ sở tối ưu hóa dòng tiền và các hoạt động tài chính của các bên.

d. Các giao dịch khác theo quyết định của HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty tùy từng thời điểm.

4.2. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc của Công Ty và/hoặc người được Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty ủy quyền lại:

a. Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của các giao dịch và các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến các giao dịch, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế (nếu có);

b. Ký kết và thực hiện các giao dịch, các hợp đồng, thỏa thuận, tài liệu có liên quan đến các giao dịch, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung, chấm dứt, thay thế (nếu có).

c. Triển khai thực hiện các trình tự thủ tục, làm việc với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền Trong trường hợp phát sinh bất kỳ vấn đề gì liên quan đến các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua, kể cả những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ thì HĐQT được toàn quyền quyết định, xử lý mà không cần phải triệu tập họp ĐHĐCĐ.

5. Thông qua chủ trương khai thác, sử dụng đối với quyền sử dụng đất tại xã Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương

Để sử dụng hiệu quả quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AM 589765 được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 12 tháng 01 năm 2009 nhằm đem lại nguồn lực để đầu tư phát triển doanh nghiệp trong giai đoạn tiếp theo, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông phê duyệt các vấn đề sau

Thông qua chấp thuận sử dụng tài sản là quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất số AM 589765 được Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 12 tháng 01 năm 2009 để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và/ hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp (loại hình doanh nghiệp cổ phần hoặc Trách nhiệm hữu hạn một thành viên hoặc Trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên hoặc loại hình doanh nghiệp khác phù hợp quy định của pháp luật) và/hoặc các hình thức hợp tác, hợp tác đầu tư khác phù hợp với quy định của Pháp luật với với giá trị định giá của quyền sử dụng đất không thấp hơn 03 (Ba) lần giá trị sổ sách của quyền sử dụng đất này được xác định tại báo cáo tài chính đã được kiểm toán liền kề trước thời điểm xảy ra giao dịch.

5.1. Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT và/hoặc Tổng Giám đốc của Công Ty và/hoặc người được Chủ tịch HĐQT/Tổng Giám đốc Công ty ủy quyền lại:



a. Quyết định các điều khoản và điều kiện cụ thể của hợp đồng chuyển nhượng và/hoặc các hợp đồng, thỏa thuận, biên bản định giá, biên bản góp vốn, tài liệu có liên quan đến giao dịch, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, phụ lục, bổ sung, chấm dứt, thay thế (nếu có);

b. Ký kết và thực hiện giao dịch, kể cả các thỏa thuận sửa đổi, phụ lục, bổ sung, chấm dứt, thay thế (nếu có);

c. Triển khai thực hiện các trình tự thủ tục, làm việc với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Trong trường hợp phát sinh bất kỳ vấn đề gì liên quan đến các Nghị quyết đã được ĐHĐCĐ thông qua, kể cả những vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của ĐHĐCĐ thì HĐQT được toàn quyền quyết định, xử lý mà không cần phải triệu tập họp ĐHĐCĐ.

6. Ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định một số vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông

Để thuận tiện trong việc thực hiện các thủ tục pháp lý về bổ sung ngành nghề khi có cơ hội kinh doanh mới. Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần TIE kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét:

a. Đồng ý ủy quyền cho Hội đồng quản trị được quyết định trong việc đăng ký bổ sung/thay đổi chức năng, ngành nghề kinh doanh của Công ty và các Chi nhánh.

Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm báo cáo việc bổ sung/thay đổi chức năng, ngành nghề Công ty và các Chi nhánh (nếu có) tại mỗi kỳ họp Đại hội đồng cổ đông và đảm bảo thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.

Kính trình ĐHĐCĐ xem xét thông qua các vấn đề

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua các vấn đề nêu trên bằng cách đánh dấu vào “**Phiếu biểu quyết**”

Kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
CHỦ TỊCH**



Trần Thế Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM
Tel: 028.38330855 Fax: 028.38332754
<http://www.tiegroupp.vn>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~01/2021~~ TTr-HDQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần TIE

Hàng năm, hoạt động của Công ty cổ phần TIE đều có sự kiểm soát và xác nhận của cơ quan kiểm toán độc lập. Được sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông năm 2020, Hội đồng quản trị Công ty cổ phần TIE đã chọn Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C làm đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2020.

Thực hiện quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần TIE, Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 xem xét ủy quyền cho HĐQT được quyết định trong việc chọn một đơn vị kiểm toán độc lập chính thức kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty cổ phần TIE.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến bằng cách đánh dấu vào “**Phiếu biểu quyết**”.

Kính trình.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
CHỦ TỊCH**



Trần Thế Vinh



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, P.VTS, Q.3, TP.HCM
Tel: 028.38330855 Fax: 028.38332754
www.tiegroupp.vn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 03/2021/TTA-HAQ

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH

V/v Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty

Kính trình: ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán hiện hành và các văn bản pháp luật khác có liên quan của nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần TIE (sau đây gọi tắt là “Công ty”);

Nay, Hội đồng Quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty nhằm phù hợp với quy định của Pháp luật và thực tiễn tại Công ty (đính kèm **Bản thuyết minh Điều lệ sửa đổi**)

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 2021 xem xét thông qua nội dung nêu trên bằng cách đánh dấu vào “**Phiếu biểu quyết**”.

Trân trọng kính trình./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Trần Thế Vinh




THUYẾT MINH

NỘI DUNG DỰ THẢO ĐIỀU LỆ SỬA ĐỔI CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

(Lấy ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021)

STT	Nội dung Điều lệ hiện hành	Nội dung Điều lệ sửa đổi	Lý do
1	Điểm c Khoản 1 Điều 1: “c. “Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.”	Điểm c Khoản 1 Điều 1: “c. “Luật doanh nghiệp” có nghĩa là <i>Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.</i> ”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
2	Điểm b Khoản 2 Điều 1: “b. BKS là viết tắt của Ban kiểm soát.”	- Bỏ điểm này	Cho phù hợp với mô hình quản lý Công ty theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp hiện hành
3	Điểm d Khoản 1 Điều 1: “d. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là Luật Chứng khoán được Quốc hội Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 6 năm 2006.”	Điểm d Khoản 1 Điều 1: “d. “Luật Chứng khoán” có nghĩa là <i>Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2021.</i> ”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Chứng khoán hiện hành
4	Điểm h Khoản 1 Điều 1: “h. “Người có liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại	Điểm h Khoản 1 Điều 1: “h. “Người có liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc <i>tổ chức</i> được quy định tại	Điều chỉnh cho phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán

	Khoản 17 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và khoản 34 Điều 6 Luật Chứng khoán.”	Khoản 23 Điều 4 Luật Doanh nghiệp và Khoản 46 Điều 4 Luật Chứng khoán.”	hiện hành
5	Khoản 1 Điều 2: - Tên tiếng Anh: TELECOMMUNICATIONS - INDUSTRY – ELECTRONICS JOINT STOCK COMPANY - Logo: 	Khoản 1 Điều 2: - <i>Bỏ quy định Tên tiếng Anh</i> - <i>Bỏ logo</i>	Điều chỉnh nhằm phù hợp thực tiễn và định hướng phát triển Công ty
6	Khoản 3 Điều 2: “3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ: 262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 08, Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh - Điện thoại: (028) 38 330 855 - Fax: (028) 38 332 754 Trường hợp có sự thay đổi, bổ sung liên quan đến thông tin Công ty thì Tổng giám đốc phải có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thông báo cho cơ quan quản lý doanh nghiệp và công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật.”	Khoản 3 Điều 2: “3. Trụ sở đăng ký của Công ty là: - Địa chỉ: 262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường <i>Võ Thị Sáu</i> , Quận 03, Thành phố Hồ Chí Minh. - Trường hợp có sự thay đổi, bổ sung liên quan đến thông tin Công ty thì <i>Tổng giám đốc điều hành</i> phải có trách nhiệm thực hiện các thủ tục thông báo cho cơ quan quản lý doanh nghiệp và công bố thông tin theo đúng quy định của Pháp luật.”	Điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn
7	Khoản 1 Điều 3: “1. Mục tiêu của Công ty là nhằm thu hút rộng rãi vốn của các thành phần kinh tế để không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; tạo công ăn việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập, đời sống người lao động trong Công ty; bảo đảm lợi ích hợp pháp cho các cổ đông; <i>làm tròn nghĩa vụ với ngân sách Nhà nước và phát triển Công ty.</i> ”	Khoản 1 Điều 3: “1. Mục tiêu của Công ty là nhằm thu hút rộng rãi vốn của các thành phần kinh tế để không ngừng phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ; tạo công ăn việc làm, cải thiện điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập, đời sống người lao động trong Công ty; bảo đảm lợi ích hợp pháp cho các cổ đông và phát triển Công ty.”	

8	Khoản 2 Điều 3: “2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty bao gồm: Được quyền kinh doanh các lĩnh vực mà pháp luật cho phép: 2.1. Hàng điện tử dân dụng. 2.2. Kinh doanh nguyên vật liệu. 2.3. Viễn thông. 2.4. Du lịch. 2.5. Dịch vụ cho thuê văn phòng, nhà xưởng, kho bãi. 2.6. Đại lý kinh doanh xăng, dầu. 2.7. Các ngành, nghề, dịch vụ khác mà luật pháp không cấm.”	Khoản 2 Điều 3: “2. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty: Công ty được quyền kinh doanh đa lĩnh vực với các ngành, nghề mà Pháp luật không cấm.”	
9	Điều 10: “Điều 10: Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm: a. ĐHĐCĐ. b. HĐQT. c. BKS. d. Tổng Giám đốc điều hành.”	Điều 10: “Điều 10: Cơ cấu tổ chức và quản trị Cơ cấu tổ chức và quản trị của Công ty bao gồm: a. ĐHĐCĐ. b. HĐQT. c. Tổng Giám đốc điều hành.”	Cho phù hợp với mô hình quản lý Công ty theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp hiện hành
10	Khoản 3 Điều 11: “3. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền đề cử các thành viên BKS theo quy định. Một cổ đông hoặc một nhóm cổ đông nắm giữ từ 9% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng, có các quyền sau:	Khoản 3 Điều 11: “3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có các quyền sau: a. Yêu cầu HĐQT kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

	<p>a. Đề cử các thành viên HĐQT theo quy định.</p> <p>b. Yêu cầu HĐQT thực hiện việc triệu tập ĐHĐCĐ theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp.</p> <p>c. Yêu cầu BKS kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải bằng văn bản, phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và từng thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, căn cứ kiểm tra.</p> <p>d. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>e. Các quyền khác theo quy định của Pháp luật.”</p>	<p>dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;</p> <p>b. Có quyền yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho việc yêu cầu là có cơ sở.</p> <p>c. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và Pháp luật.”</p>	
11	(Không có)	<p>Khoản 4 Điều 11: “4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động và Luật

		từ 10% tổng số cổ phần phổ thông trở lên có quyền đề cử các thành viên HĐQT theo quy định tương ứng tại các Điều 24 Điều lệ này."	Doanh nghiệp hiện hành
12	(Không có)	Khoản 5 Điều 11: "Với cổ đông là pháp nhân, pháp nhân đó có thể thay người đại diện. Người đại diện đó được hưởng mọi quyền lợi cũng như nghĩa vụ của người đại diện trước đó. Việc thay đổi người đại diện phải được thông báo cho HĐQT bằng văn bản."	Điều chỉnh cho phù hợp với tình hình quản trị Công ty
13	(Không có)	Khoản 6 Điều 11: "Các quyền khác theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này."	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
14	Khoản 4 Điều 12: "4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần."	Khoản 1 Điều 12: "4. Cung cấp thông tin chính xác khi đăng ký mua cổ phần, bao gồm nhưng không giới hạn: địa chỉ thường trú, số Chứng minh nhân dân, Căn cước công dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác (đối với cổ đông là cá nhân); tên, địa chỉ trụ sở chính, người đại diện theo pháp luật, các thông tin ghi trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Quyết định thành lập (đối với cổ đông là tổ chức). Ngoài ra phải thông báo ngay cho Công ty hoặc Cơ quan quản lý chứng khoán để cập nhật các thông tin nêu trên khi có sự thay đổi."	Điều chỉnh cho rõ hơn
15	Khoản 5 Điều 12: "5. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc	Khoản 5 Điều 12: "5. Tham gia các cuộc họp ĐHĐCĐ và thực hiện quyền biểu quyết thông qua các hình thức sau:	Điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn và quy định Pháp luật



C.T.C.

	thực hiện bỏ phiếu từ xa. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên HĐQT làm đại diện cho mình tại ĐHĐCĐ."	<ul style="list-style-type: none"> a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; c. Tham dự và biểu quyết thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử." 	
16	Khoản 6 Điều 12: "6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ul style="list-style-type: none"> a. Vi phạm pháp luật. b. Tiến hành đăng ký kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty." 	Khoản 6 Điều 12: "6. Cổ đông phổ thông phải chịu trách nhiệm khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây: <ul style="list-style-type: none"> a. Vi phạm pháp luật. b. Tiến hành đăng ký kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty." 	Điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn
17	Khoản 1 Điều 13: "1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (1) lần trong thời hạn bốn (4) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính."	Khoản 1 Điều 13: "1. ĐHĐCĐ là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết, HĐQT quyết định gia hạn họp ĐHĐCĐ, nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính."	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
18	Khoản 2 Điều 13: "2. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên do	Khoản 2 Điều 13: "2. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện

	<p>HĐQT triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do HĐQT quy định tùy từng thời điểm. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên quyết định những vấn đề được pháp luật và Điều lệ này quy định. <i>Đặc biệt, các cổ đông sẽ thông qua các báo cáo tài chính hàng năm của Công ty và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.</i></p>	<p><i>thường được triệu tập và tổ chức tại một địa điểm ở Việt Nam do HĐQT hoặc người có thẩm quyền triệu tập quy định tùy từng thời điểm. Cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên và bất thường quyết định những vấn đề được Pháp luật và Điều lệ này quy định.</i></p>	hành
19	<p>Khoản 3 Điều 13:</p> <p>“3. HĐQT phải triệu tập ĐHĐCĐ bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p><i>Việc triệu tập là cần thiết nếu các kiểm toán viên độc lập thấy rằng cuộc họp là quan trọng để thảo luận về báo cáo kiểm toán hoặc về tình hình tài chính của Công ty và HĐQT cũng nhận thấy như vậy.</i></p> <p>b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một nửa.</p> <p>c. Khi số thành viên của HĐQT bị giảm quá 1/3 so với số quy định trong Điều lệ mà không có người thay thế, bổ sung.</p> <p>d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 9% trở lên tổng số cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất</p>	<p>Khoản 3 Điều 13:</p> <p>“3. ĐHĐCĐ bất thường được triệu tập trong các trường hợp sau:</p> <p>a. HĐQT xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.</p> <p>b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính cho thấy vốn Điều lệ đã bị mất một nửa [1/2].</p> <p>c. Khi số lượng thành viên HĐQT còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Pháp luật.</p> <p>d. Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ này;</p> <p>e. Ủy ban Kiểm toán có quyền yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định của Pháp luật; hoặc</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành</p>

	<p>sáu (6) tháng yêu cầu triệu tập ĐHĐCĐ khi phát sinh các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp. Yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ phải được lập bằng văn bản và phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty, căn cứ và lý do yêu cầu triệu tập họp ĐHĐCĐ. Kèm theo yêu cầu triệu tập họp phải có các tài liệu, chứng cứ về các vi phạm của HĐQT, mức độ vi phạm hoặc về quyết định vượt quá thẩm quyền.</p> <p>e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc bộ máy quản lý cao cấp vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo quy định của Pháp luật; hoặc HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p> <p>g. Khi khuyết 01 thành viên BKS và các thành viên còn lại nhận thấy rằng hoạt động của BKS không đảm bảo hiệu</p>	<p>HĐQT hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.</p> <p>f. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.”</p>	
--	--	--	--

	<p>quả theo quy định của Pháp luật và Điều lệ này. Trường hợp khuyết 02 thành viên trở lên thì phải triệu tập họp ĐHĐCĐ.</p> <p>h. Các trường hợp khác theo quy định của Pháp luật.”</p>		
20	<p>Khoản 4 Điều 13:</p> <p>“4. Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:</p> <p>a. HĐQT phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên HĐQT hoặc BKS còn lại như quy định tại điểm c và g khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu nêu tại điểm d và e khoản 3 Điều này. Các trường hợp còn lại HĐQT phải triệu tập họp cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, tính từ ngày phát sinh lý do họp. Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.</p> <p>b. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, BKS sẽ phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trường hợp BKS không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Trường BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh</p>	<p>Khoản 4 Điều 13:</p> <p>“4. Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ bất thường:</p> <p>a. HĐQT phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày xảy ra các sự kiện quy định tại điểm a và b Khoản 3 Điều 13 Điều lệ.</p> <p>b. HĐQT phải triệu tập một cuộc họp cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện theo quy định tại điểm c Khoản 3 Điều lệ và/hoặc nhận được các yêu cầu theo quy định tại điểm d, e và f Khoản 3 Điều 13 Điều lệ.</p> <p>Trường hợp HĐQT không triệu tập họp ĐHĐCĐ như quy định thì Chủ tịch HĐQT và các thành viên HĐQT phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.</p> <p>c. Trường hợp HĐQT không triệu tập cuộc họp nêu trên, thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ủy ban kiểm toán sẽ phải thay thế HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trường hợp Ủy ban kiểm toán không triệu tập họp</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động và Luật Doanh nghiệp hiện hành</p>

	<p>đối với Công ty.</p> <p>c. Trường hợp BKS không triệu tập cuộc họp, những cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có yêu cầu nêu tại điểm d khoản 3 của Điều này có thể triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.”</p>	<p>ĐHĐCĐ như quy định thì các thành viên Ủy ban kiểm toán phải chịu trách nhiệm trước Pháp luật và phải bồi thường thiệt hại phát sinh đối với Công ty.</p> <p>d. Trường hợp HĐQT và Ủy ban kiểm toán không triệu tập cuộc họp, cổ đông hoặc một nhóm cổ đông có quyền yêu cầu nêu tại điểm e khoản 3 Điều 13 Điều lệ sẽ triệu tập họp ĐHĐCĐ. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp ĐHĐCĐ có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát việc triệu tập và tiến hành họp nếu xét thấy cần thiết.”</p>	
21	<p>Điểm d Khoản 5 Điều 13:</p> <p>“d. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, BKS.”</p>	<p>Điểm d Khoản 5 Điều 13:</p> <p>“d. Dự thảo nghị quyết của ĐHĐCĐ theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT.”</p>	Bỏ cụm từ “BKS” cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
22	<p>Điểm d Khoản 1 Điều 14:</p> <p>“d. Báo cáo của BKS về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc.”</p>	<p>Điểm d Khoản 1 Điều 14:</p> <p>“d. Báo cáo của Ủy ban kiểm toán về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của HĐQT và Ban Tổng giám đốc.”</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
23	<p>Điểm d Khoản 1 Điều 14:</p> <p>“d. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của BKS và của từng kiểm soát viên.”</p>	- Bỏ điểm này.	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
24	<p>Điểm c Khoản 2 Điều 14:</p> <p>“c. Số lượng thành viên của HĐQT, BKS.”</p>	<p>Điểm c Khoản 2 Điều 14:</p> <p>“c. Số lượng thành viên của HĐQT.”</p>	Bỏ cụm từ “BKS” cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty

25	Điểm d Khoản 1 Điều 14: “d. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT và BKS.”	Điểm d Khoản 1 Điều 14: “d. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên HĐQT.”	Bỏ cụm từ “BKS” cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
26	Điểm e Khoản 1 Điều 14: “e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT, BKS và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT, BKS.”	Điểm e Khoản 1 Điều 14: “e. Tổng số tiền thù lao của các thành viên HĐQT và Báo cáo tiền thù lao của HĐQT.”	Bỏ cụm từ “BKS” cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
27	Điểm l Khoản 2 Điều 14: “l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc BKS gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.”	Điểm l Khoản 2 Điều 14: “l. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của HĐQT hoặc <i>cán bộ quản lý</i> gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty.”	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
28	Điểm o Khoản 2 Điều 14: “o. Việc Chủ tịch HĐQT đồng thời làm Tổng Giám đốc điều hành.”	- Bỏ điểm này.	Điều chỉnh cho phù hợp thực tiễn
29	Điểm p Khoản 2 Điều 14: “p. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.”	Điểm p Khoản 2 Điều 14: “o. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành và thứ tự điểm trong khoản 2 Điều 14
30	Khoản 1 Điều 16: “1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 75% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua. Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua	Khoản 1 Điều 16: “1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền và nghĩa vụ của cổ đông sở hữu cổ phần ưu đãi chỉ được thông qua nếu được số cổ đông ưu đãi cùng loại dự họp sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành hoặc được các cổ đông ưu đãi cùng loại sở hữu từ 75% tổng số cổ phần ưu đãi loại đó trở lên tán thành trong trường hợp thông qua nghị quyết	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

	việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.”	dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.”	
31	Khoản 1 Điều 17: “1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ trừ các trường hợp quy định tại điểm b và c khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.”	Khoản 1 Điều 17: “1. HĐQT triệu tập ĐHĐCĐ trừ các trường hợp quy định tại điểm c và d khoản 4 Điều 13 Điều lệ này.”	Điều chỉnh cho phù hợp với điều khoản viện dẫn tại Điều lệ sửa đổi
32	Điểm a Khoản 2 Điều 17: “a. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội xong trước ít nhất ba mươi (30) ngày so với ngày bắt đầu tiến hành ĐHĐCĐ; chương trình họp, và các tài liệu phù hợp với pháp luật và các quy định của Công ty.”	Điểm a Khoản 2 Điều 17: “a. Chuẩn bị một danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội, chương trình họp và các tài liệu phù hợp với Pháp luật và các quy định của Công ty.”	Điều chỉnh cho phù hợp với quy định Pháp luật
33	Khoản 3 Điều 17: “3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên	Khoản 3 Điều 17: “3. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

	<p>phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông và đăng trên website của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp ĐHĐCĐ, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ website để các cổ đông có thể tiếp cận.”</p>	<p>phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán, trên trang thông tin điện tử (website) của Công ty. Thông báo họp ĐHĐCĐ phải được gửi ít nhất <i>hai mươi một (21) ngày trước ngày khai mạc ĐHĐCĐ</i>, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp ĐHĐCĐ, các tài liệu liên quan đến các vấn đề được biểu quyết tại đại hội sẽ được đăng trên website của Công ty. Thông báo gửi cổ đông phải nêu rõ địa chỉ website nơi đăng tải các tài liệu họp ĐHĐCĐ để các cổ đông có thể tiếp cận.”</p>	
34	<p>Khoản 4 Điều 17:</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (3) ngày trước khi bắt đầu họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.”</p>	<p>Khoản 4 Điều 17:</p> <p>4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <i>theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ</i> có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba (03) ngày <i>làm việc</i> trước khi bắt đầu họp ĐHĐCĐ. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.”</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với điều khoản viện dẫn tại Điều lệ sửa đổi</p>
35	<p>Khoản 5 Điều 17:</p> <p>“5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này nếu:</p> <p>a. Đề xuất không được gửi đúng thời hạn.</p>	<p>Khoản 5 Điều 17:</p> <p>“5. Người triệu tập họp ĐHĐCĐ chỉ có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 4 của Điều này nếu:</p> <p>a. Đề xuất không được gửi đúng thời</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành</p>

	<p>b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục từ sáu (6) tháng trở lên.</p> <p>c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết; và</p> <p>d. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ bàn bạc và thông qua các nghị quyết.”</p>	<p>hạn.</p> <p>b. <i>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông không đủ điều kiện theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ;</i></p> <p>c. Đề xuất không chứa đựng những thông tin cần thiết; và</p> <p>d. <i>Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của ĐHĐCĐ.”</i></p>	
36	<p>Khoản 7 Điều 17: “7. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, HĐQT phải chuẩn bị dự thảo một nghị quyết.”</p>	<p>Khoản 7 Điều 17: “7. Đối với từng vấn đề trong chương trình họp, <i>HĐQT phải chuẩn bị dự thảo các nội dung này trong cùng một (01) nghị quyết hoặc tách thành nhiều nghị quyết.</i>”</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn
37	<p>Khoản 1 Điều 18: “1. ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.”</p>	<p>Khoản 1 Điều 18: “1. <i>Cuộc họp ĐHĐCĐ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện trên 50% tổng số phiếu biểu quyết.</i>”</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
38	<p>Khoản 4 Điều 19: “4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng BKS điều khiển để ĐHĐCĐ bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.”</p>	<p>Khoản 4 Điều 19: “4. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số.”</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
39	<p>Khoản 2 Điều 20: “2. Trừ trường hợp quy khoản 1 và khoản 3 Điều này, các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít</p>	<p>Khoản 2 Điều 20: “2. Các nghị quyết khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với điều khoản viện dẫn tại Điều lệ sửa đổi

	nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện uỷ quyền có mặt tại ĐHĐCĐ.”	đồng dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại <i>Điều 16.1, Điều 20.1 và Điều 20.3 Điều lệ này.</i> ”	
40	Khoản 3 Điều 20: “3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT và BKS phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc BKS và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử (nếu có).”	Khoản 3 Điều 20: “3. Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ này. Trường hợp có từ <i>hai (02)</i> ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử (nếu có).”	Bỏ cụm từ “BKS” cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
41	Khoản 1 Điều 21: “1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.”	Khoản 1 Điều 21: “1. HĐQT có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua <i>các vấn đề thuộc thẩm quyền</i> của ĐHĐCĐ bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
42	Điểm g Khoản 3 Điều 21: “g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.”	Điểm g Khoản 3 Điều 21: “g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

43	Khoản 6 Điều 21: “6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của BKS hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:...”	Khoản 6 Điều 21: “6. HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của đại diện Ủy ban kiểm toán hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:...”	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
44	Điểm g Khoản 6 Điều 21: “g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu.”	Điểm g Khoản 6 Điều 21: “g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người kiểm phiếu và của người giám sát kiểm phiếu.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
45	Khoản 9 Điều 21: “9. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp ĐHĐCĐ.”	Khoản 9 Điều 21: “9. Nghị quyết được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 16 Điều lệ.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
46	Điều 23: “Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông 1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (6) tháng có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây: a. Trình tự và thủ tục triệu tập họp và ra	Điều 23: “Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng Cổ đông: 1. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp ĐHĐCĐ hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến ĐHĐCĐ, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ trong các trường hợp sau đây: a. Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của ĐHĐCĐ vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

	<p>quyết định của ĐHĐCĐ không thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ Công ty hoặc quy định của Pháp luật, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 17 Điều lệ này.</p> <p>b. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của ĐHĐCĐ theo quy định tại khoản 1 Điều này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>3. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Điều lệ này.”</p>	<p><i>nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 17 Điều lệ này;</i></p> <p>b. Nội dung nghị quyết vi phạm Pháp luật hoặc Điều lệ này.</p> <p>2. Trường hợp có <i>cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ</i> yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết ĐHĐCĐ thì nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi quyết định hủy bỏ nghị quyết đó của Tòa án, Trọng tài có hiệu lực, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</p> <p>3. Trường hợp quyết định của ĐHĐCĐ bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án, Trọng tài, người triệu tập cuộc họp ĐHĐCĐ bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại ĐHĐCĐ trong vòng <i>sáu mươi (60) ngày theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.</i>”</p>	
47	<p>Khoản 1 Điều 24:</p> <p>“1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm, trừ nhiệm kỳ đầu tiên là ba (03) năm (Nhiệm kỳ 2004 -2007). Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên HĐQT kết thúc nhiệm kỳ</p>	<p>Khoản 1 Điều 24:</p> <p>“1. Số lượng thành viên HĐQT ít nhất là ba (03) người và nhiều nhất là mười một (11) người. Nhiệm kỳ của HĐQT là năm (05) năm, trừ nhiệm kỳ đầu tiên là ba (03) năm (Nhiệm kỳ 2004 -2007). Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm; thành viên HĐQT có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp thành viên HĐQT kết thúc</p>	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty

	nhưng chưa có người bổ sung hoặc bầu thay thế thì thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp thành viên đó không muốn tiếp tục tham gia HĐQT.”	nhệm kỳ nhưng chưa có người bổ sung hoặc bầu thay thế thì thành viên đó tiếp tục là thành viên HĐQT cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp thành viên đó không muốn tiếp tục tham gia HĐQT. Số lượng thành viên HĐQT độc lập phải phù hợp với quy định của Pháp luật.	
48	Khoản 2 Điều 24: “2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 9% số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được quyền ứng cử hoặc đề cử người vào HĐQT của Công ty. Cổ đông có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào HĐQT. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: từ 9% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên; và từ 90% trở lên được đề cử tối đa chín (09) ứng viên.”	Khoản 2 Điều 24: “2. Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT từng nhiệm kỳ theo quyết định của ĐHĐCĐ, cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ tối thiểu 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một hoặc một số ứng viên tham gia HĐQT. Số lượng ứng viên cụ thể sẽ do HĐQT quy định tại Quy chế bầu cử. Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào HĐQT phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc ĐHĐCĐ ít nhất năm (05) ngày làm việc.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành và thực tiễn
49	Điểm a Khoản 4 Điều 24: “a. Không có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo	Điểm a Khoản 4 Điều 24: “a. Không có đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện

	quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp hoặc bị cơ quan có thẩm quyền cấm không được làm thành viên HĐQT.”	quy định tại <i>Điều 155</i> của Luật Doanh nghiệp hoặc bị cơ quan có thẩm quyền cấm không được làm thành viên HĐQT.”	hành
50	Khoản 6 Điều 24: “6. Trường hợp số lượng thành viên HĐQT giảm nhưng không quá 1/3 số lượng thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều này, HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.”	Khoản 6 Điều 24: “6. Trường hợp số lượng thành viên HĐQT giảm <i>nhưng không thấp hơn số lượng tối thiểu theo quy định của Pháp luật</i> , HĐQT có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên HĐQT để thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại cuộc họp ĐHĐCĐ ngay tiếp sau đó. Sau khi được ĐHĐCĐ chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó được coi là có hiệu lực vào ngày được HĐQT bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của HĐQT. Trong trường hợp thành viên mới không được ĐHĐCĐ chấp thuận, mọi quyết định của HĐQT cho đến trước thời điểm diễn ra ĐHĐCĐ có sự tham gia biểu quyết của thành viên HĐQT thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
51	Điểm c Khoản 4 Điều 25: “c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149, khoản 2 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mướn Công ty và liên doanh).”	Điểm c Khoản 4 Điều 25: “c. Trong phạm vi quy định tại <i>Khoản 2 Điều 153, Khoản 2 Điều 167</i> Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp phải do ĐHĐCĐ phê chuẩn, HĐQT tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê mướn Công ty và liên doanh).”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành

34/1
T
N
18/11

52	Điểm d Khoản 3 Điều 27: “d. BKS”	- Bỏ điểm này	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty
53	Điểm d Khoản 10 Điều 27: “d. Thành viên HĐQT được hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.”	Điểm d Khoản 10 Điều 27: “d. Thành viên HĐQT được hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp sẽ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
54	Khoản 2 Điều 30: “2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là ba (03) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không phải là người mà luật pháp cấm giữ chức vụ này.”	Khoản 2 Điều 30: “2. Nhiệm kỳ: Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc điều hành là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc điều hành không phải là người mà luật pháp cấm giữ chức vụ này.”	Điều chỉnh cho phù hợp với Luật Doanh nghiệp hiện hành
55	Điều 31: “Điều 31: Thư ký Công ty HĐQT sẽ chỉ định một hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm: a. Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT, BKS và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của HĐQT hoặc BKS. b. Tham dự và làm biên bản các cuộc họp. c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.”	Điều 31: “Điều 31: Người phụ trách quản trị Công ty HĐQT có thể chỉ định một (hoặc nhiều) người làm Người phụ trách quản trị Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của HĐQT. HĐQT có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. HĐQT cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Người phụ trách quản trị Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Người phụ trách quản trị Công ty bao gồm: 1. Chuẩn bị các cuộc họp của HĐQT và ĐHĐCĐ theo yêu cầu của Chủ tịch	Điều chỉnh cho phù hợp với Pháp luật chứng khoán

	<p>d. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT và BKS. Thư ký Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.”</p>	<p>HĐQT; 2. Tham dự các cuộc họp, lập biên bản họp; 3. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp; 4. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên của HĐQT. Người phụ trách quản trị Công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.”</p>	
56	<p>Chương IX: “CHƯƠNG IX: BAN KIỂM SOÁT”</p>	<p>Chương IX: “CHƯƠNG IX: ỦY BAN KIỂM TOÁN”</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty</p>
57	<p>Điều 32: “Điều 32: Thành viên Ban kiểm soát 1. Số lượng thành viên BKS của Công ty là ba (03) thành viên. Các thành viên BKS không phải là người trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty. Thành viên BKS phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên. Các thành viên BKS không phải là người có liên quan với các thành viên HĐQT, Tổng giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác của Công ty. BKS phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Các Kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng BKS theo nguyên tắc đa số. Trưởng BKS phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên</p>	<p>Điều 32: “Điều 32: Ủy ban kiểm toán 1. Ủy ban kiểm toán sẽ do HĐQT quyết định thành lập và hoạt động theo Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm toán do HĐQT ban hành tại từng thời điểm. 2. Chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Ủy ban kiểm toán sẽ được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc của Ủy ban kiểm toán và theo quy định của Pháp luật có liên quan.”</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty</p>

trách tại Công ty. Trường hợp Trường BKS không làm việc chuyên trách tại Công ty thì phải đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo Điều lệ này và theo quy định của Pháp luật.

Trường BKS có các quyền và trách nhiệm sau:

a. Triệu tập cuộc họp BKS.

b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo BKS.

c. Lập và ký báo cáo của BKS sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình ĐHĐCĐ.

2. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (6) tháng được quyền đề cử hoặc ứng cử người vào BKS của Công ty. Cổ đông có thể tập hợp phiếu bầu vào với nhau để đề cử các ứng viên vào BKS. Số người được ứng cử hoặc đề cử theo tỷ lệ nắm giữ cổ phần của Công ty được quy định như sau: 5% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 35% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 35% đến dưới 50% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; và từ 65% trở lên được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.

3. Các thành viên của BKS do ĐHĐCĐ bổ nhiệm, nhiệm kỳ của BKS không quá năm

	<p>(05) năm; thành viên BKS có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>4. Thành viên BKS không còn tư cách thành viên trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Thành viên đó bị pháp luật cấm làm thành viên BKS.</p> <p>b. Thành viên đó từ chức bằng một văn bản thông báo được gửi đến trụ sở chính của Công ty.</p> <p>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và các thành viên khác của BKS có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của BKS liên tục trong vòng sáu tháng liên tục, và trong thời gian này BKS không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên BKS theo quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>5. Trong nhiệm kỳ, nếu khuyết thành viên BKS thì tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên ngay tiếp sau đó phải tiến hành bầu bổ sung.”</p>		
58	<p>Điều 33:</p> <p>“Điều 33: Quyền, nghĩa vụ, trách nhiệm của Ban kiểm soát; quyền được cung cấp thông tin và thù lao Ban kiểm soát</p> <p>1. BKS có quyền, nghĩa vụ sau đây:</p> <p>a. BKS thực hiện giám sát HĐQT, Tổng giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty.</p>	<p>Điều 33:</p> <p>“Điều 33: Thành viên Ủy ban kiểm toán</p> <p>1. Tùy theo nhu cầu và tình hình thực tế mà HĐQT sẽ quyết định số lượng thành viên Ủy ban kiểm toán và người đứng đầu Ủy ban kiểm toán.</p> <p>2. Tiêu chuẩn, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của thành viên Ủy ban kiểm</p>	<p>Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty</p>

<p>b. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.</p> <p>c. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và sáu (06) tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của HĐQT và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp thường niên ĐHĐCĐ.</p> <p>d. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.</p> <p>đ. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết của ĐHĐCĐ hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp.</p> <p>e. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 114 của Luật Doanh nghiệp, BKS thực hiện kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến HĐQT và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.</p>	<p>toán được quy định cụ thể trong Quy chế làm việc Ủy ban kiểm toán do HĐQT ban hành và phù hợp với các quy định của Pháp luật hiện hành.”</p>
---	---

<p>Việc kiểm tra của BKS quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của HĐQT, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>g. Kiến nghị HĐQT hoặc ĐHĐCĐ các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.</p> <p>h. Khi phát hiện có thành viên HĐQT, Tổng giám đốc vi phạm quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp thì phải thông báo ngay bằng văn bản với HĐQT, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.</p> <p>i. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp ĐHĐCĐ, HĐQT và các cuộc họp khác của Công ty.</p> <p>k. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện các nhiệm vụ được giao.</p> <p>l. BKS có thể tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Trách nhiệm của BKS:</p> <p>a. Tuân thủ đúng Pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết của ĐHĐCĐ và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao.</p> <p>b. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.</p>		
--	--	--

c. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, địa vị, chức vụ và sử dụng tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

d. Các nghĩa vụ khác theo quy định của Pháp luật.

3. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ theo quy định tại điểm a, b, c và d khoản 2 nêu trên mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc bên thứ ba (cá nhân, tổ chức) thì Kiểm soát viên phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Mọi thu nhập và lợi ích mà Kiểm soát viên có được từ hoạt động sai phạm phải hoàn trả cho Công ty hoặc được xử lý theo quy định của Pháp luật.

4. Trường hợp phát hiện có Kiểm soát viên vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì HĐQT phải thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

5. BKS được hưởng quyền được cung cấp thông tin theo quy định tại Điều 166 Luật Doanh nghiệp.

6. Sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT, BKS có thể ban hành các quy định về các cuộc họp của BKS và cách thức hoạt động của BKS. BKS phải họp tối thiểu hai (2) lần một năm và số lượng thành viên tham gia các cuộc họp tối thiểu là hai (2) người.

	<p>7. Lương, thù lao của Kiểm soát viên:</p> <p>a. Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. Ngân sách hoạt động hằng năm của BKS sẽ do ĐHĐCĐ quyết định.</p> <p>b. Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được ĐHĐCĐ chấp thuận, trừ trường hợp ĐHĐCĐ có quyết định khác;</p> <p>c. Tiền lương và chi phí hoạt động của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của Pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, Pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.”</p>		
59	Chương X	Thay đổi cụm từ “THÀNH VIÊN BKS” thành cụm từ “ỦY BAN KIỂM TOÁN” tại tên gọi Chương X, các nội dung còn lại giữ nguyên không thay đổi	Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty
60	Điều 34	Thay đổi cụm từ “thành viên BKS” thành cụm từ “Ủy ban kiểm toán” tại Điều 34, các nội dung còn lại giữ nguyên không thay đổi	Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty
61	Điều 35	Thay đổi cụm từ “thành viên BKS” thành cụm từ “Ủy ban kiểm toán” tại Điều 35, các nội dung còn lại giữ nguyên không thay đổi, ngoại trừ Khoản 4 Điều 35 được điều chỉnh như bên dưới đây	Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty

62	Khoản 4 Điều 35: “4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong trường hợp được chấp thuận theo các quy định tại Điều 162 Luật Doanh nghiệp 2014.”	Khoản 4 Điều 35: “4. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Tổng Giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên HĐQT, Ủy ban kiểm toán, Tổng giám đốc điều hành, cán bộ quản lý khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong trường hợp được chấp thuận theo các quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp.”	Điều chỉnh cho phù hợp với mô hình hoạt động Công ty và quy định của Luật Doanh nghiệp hiện hành
63	Điều 36	- Thay đổi cụm từ “thành viên BKS” thành cụm từ “Ủy ban kiểm toán” tại Điều 36, các nội dung còn lại giữ nguyên không thay đổi	Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty
64	Điều 37	- Thay đổi cụm từ “thành viên BKS” thành cụm từ “Ủy ban kiểm toán” tại Điều 37, các nội dung còn lại giữ nguyên không thay đổi, ngoại trừ Khoản 1 Điều 37 được điều chỉnh như bên dưới đây	Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty
65	Khoản 1 Điều 37: “1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập tại khoản 2 Điều 24 và khoản 2 Điều 32 có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu kiểm tra do phía luật sư	Khoản 1 Điều 37: “1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông <i>theo quy định tại Khoản 3 Điều 11 Điều lệ</i> có quyền trực tiếp hoặc qua luật sư hoặc người được uỷ quyền, gửi một văn bản yêu cầu được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của Công ty danh sách các cổ đông, các biên bản của ĐHĐCĐ và sao chụp hoặc trích lục các hồ sơ đó. Một yêu cầu kiểm tra do	Điều chỉnh cho phù hợp với điều khoản viện dẫn tại Điều lệ sửa đổi

	đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.”	phía luật sư đại diện hoặc đại diện được ủy quyền khác của Cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của Cổ đông mà người đó đại diện hoặc một bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.”	
66	Điều 49 “Điều 49: Gia hạn hoạt động 1. HĐQT triệu tập họp ĐHĐCĐ ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của HĐQT. 2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại ĐHĐCĐ thông qua.”	<i>Bỏ toàn bộ Điều này</i>	Điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn là Công ty hoạt động vô thời hạn
67	Điều 50, Điều 51, Điều 52 và Điều 53	<i>Điều chỉnh tương ứng thành Điều 49, Điều 50, Điều 51 và Điều 52. Tên Điều và các nội dung bên trong các Điều này vẫn giữ nguyên không thay đổi.</i>	Điều chỉnh cho phù hợp số thứ tự Điều trong Điều lệ sửa đổi
68	Điều 51	Thay đổi cụm từ “BKS” thành cụm từ “Ủy ban kiểm toán” tại Điều 50, các nội dung còn lại giữ nguyên không thay đổi	Điều chỉnh cho phù hợp mô hình hoạt động Công ty
69	Khoản 1 Điều 53: “1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương 53 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty nhất trí thông qua ngày 18 tháng 08 năm 2017 tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.”	Khoản 1 Điều 52: “1. Bản điều lệ này gồm 21 Chương 52 Điều, được ĐHĐCĐ Công ty nhất trí thông qua ngày 27 tháng 04 năm 2021 tại kỳ họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.”	Điều chỉnh cho phù hợp
70	Khoản 5 Điều 53: “5. Bản Điều lệ này sẽ thay thế bản Điều lệ	Khoản 5 Điều 52: “5. Bản Điều lệ này sẽ thay thế bản Điều	Điều chỉnh cho phù hợp

	đã được ĐHĐCĐ thông qua vào ngày 18 tháng 08 năm 2017.”	lệ đã được ĐHĐCĐ thông qua vào ngày 22 tháng 08 năm 2018.”	
--	---	--	--

Ghi chú:

- Các nội dung khác trong Điều lệ hiện hành mà không được đề cập trong bảng trên thì vẫn giữ nguyên, không thay đổi.
- Quý cổ đông có thể tham khảo nội dung cụ thể của Điều lệ hiện hành được đăng tải trên trang web: <http://www.tiegroupp.vn> để đối chiếu với nội dung mà HĐQT đề nghị sửa đổi, bổ sung.



CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

262A Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Q.3, TP. HCM

Tel: 028.38330855 Fax: 028.38332754

<http://www.tiegroupp.vn>

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 04/2021/TĐ - HĐQT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 04 năm 2021

TỜ TRÌNH ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

V/v: Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của Công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần TIE

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020 (sau đây gọi tắt "Luật Doanh nghiệp") và các Văn bản pháp luật khác có liên quan;
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần TIE (sau đây gọi tắt là "TIE");
- Căn cứ tình hình thực tiễn hoạt động và nhu cầu của TIE.

Nay, Hội đồng Quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý của TIE như sau:

1. Đề xuất áp dụng cơ cấu tổ chức quản lý mới:

1.1. Cơ cấu đang áp dụng: Theo Điều 10 của Điều lệ thì hiện nay TIE được tổ chức quản lý theo mô hình quy định tại Điểm a Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp ("**Mô hình 1**"), bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Tổng giám đốc điều hành;
- Ban Kiểm soát;

1.2. Cơ cấu đề xuất thay đổi: TIE được tổ chức quản lý theo mô hình quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp ("**Mô hình 2**"), bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Hội đồng Quản trị;
- Tổng giám đốc điều hành;

1.3. Mục tiêu đề xuất việc áp dụng cơ cấu tổ chức quản lý mới:

- Bảo vệ lợi ích cổ đông

- Đặc thù tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty bao gồm nhiều hoạt động phát sinh trong ngày từ thu mua đến sản xuất và kinh doanh với nhiều quy trình quản trị nội bộ. Nên việc kiểm toán nội bộ cần được thực hiện thường xuyên và liên tục.

- Việc áp dụng Mô hình 2 là mô hình quản trị 1 cấp với Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT (theo Luật doanh nghiệp cũ là Ban kiểm toán nội bộ) là mô hình được xem xu hướng phổ biến hiện nay. Tại Việt Nam, Luật pháp về quản trị doanh nghiệp cho phép và khuyến khích chuyển đổi sang mô hình này nhằm phù hợp với thông lệ và xu hướng hội nhập với quốc tế.

Với các cơ sở trên, Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt việc áp dụng Cơ cấu tổ chức mới theo mô hình được nêu tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp.

2. Giải thể và miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát Công ty:

2.1. Xuất phát từ việc thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý theo mô hình quy định tại Điểm b Khoản 1 Điều 137 Luật Doanh nghiệp (Mô hình 2), Hội đồng Quản trị kính đề nghị Đại hội đồng cổ đông xem xét, phê duyệt việc giải thể Ban Kiểm soát và miễn nhiệm thành viên Ban Kiểm soát đối với các ông/bà sau đây:

STT	Họ và Tên	Chức danh
01	Nguyễn Thị Kim Hoa	Trưởng BKS
02	Lê Thanh Vy	Thành viên BKS
03	Lê Thị Thu Hà	Thành viên BKS

2.2. Thời điểm giải thể Ban Kiểm soát và miễn nhiệm các thành viên Ban Kiểm soát:

- Kể từ thời điểm Đại hội đồng cổ đông thông qua nội dung đề xuất của Hội đồng quản trị tại Tờ trình này (thông qua bằng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông cho ý kiến liên quan đến Mục 1 và Mục 2 nêu trên bằng cách đánh dấu vào “**Phiếu biểu quyết**”.

Kính trình.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN TIE
CHỦ TỊCH



Trần Thế Vinh